

Bản án số: **155/2020/DS-PT**

Ngày: 13-7-2020

“V/v: Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Kiều Văn D; Địa chỉ: 30 Hương lộ N4, N1, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Kiều Thị Bích L; Địa chỉ: Số 04 Đường L2, phường L3, tp. N1, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 06/7/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Phổ Th, Văn phòng Luật sư K, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa,

*** Bị đơn:** Ông Kiều Long V1; Địa chỉ: 162 đường P1, N1, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Thúy Ng; Địa chỉ: 162 đường P1, N1, Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị H - Công ty Luật TNHH H&M, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Kiều Thị N

- Ông Hoàng Đức L1

Cùng địa chỉ: Fairfield CA 94534, USA.

- Ông Kiều Túy V2; Địa chỉ: California CA 94806, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông V2: Ông Võ Ngọc Quốc H1; Địa chỉ: 14/16 đường C, thành phố B, Đắk Lắk.

- Ông Kiều Long H2; Địa chỉ: CA 94533, USA.

- Bà Kiều Thị Cẩm T1; Địa chỉ: Toronto M5A 3K3, Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2, bà T1: Ông Kiều Văn T2; Địa chỉ: Số 160/7 đường Đ1, phường P2, tp. N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Võ Ngọc Quốc H3; Địa chỉ: Oakland, California 94606, USA.

- Ông Kiều Văn T2; Địa chỉ: Số 160/7 đường Đ1, phường P2, tp. N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Kiều Thị Bích L; Địa chỉ: Số 04 Đường L2, phường L3, tp. N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Nguyễn Văn Đ; Địa chỉ: Tổ 1, L1, xã V3, N1, Khánh Hòa.

- Ủy ban nhân dân thành phố N1; Địa chỉ: 42 đường L, Thành phố N1, Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hữu Th1 - Chủ tịch UBND TP N1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh Ng – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố N1 và bà Trịnh Thị Bích Kh – Nhân viên Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố N1 (Giấy ủy quyền ngày 26/10/2018).

- Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa - Chi nhánh N1;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân Đ1 – Giám đốc Chi nhánh. Địa chỉ: 17B Hoàng Hoa Thám, N1, Khánh Hòa.

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn - ông Kiều Văn D, bị đơn - ông Kiều Long V1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Kiều Thị Bích L, ông Kiều Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Ông Kiều Văn D trình bày:**

Cha ông là Kiều Văn N2 chết ngày 24/7/2010, mẹ ông là bà Vũ Thị H4 chết ngày 20/3/1974; cha ông chết có để lại di chúc và giấy xác nhận rằng nếu các con cái trong nhà bất hòa thì có thể bán ngôi nhà trên để chia đều cho các con sau khi trừ đi các khoản đóng góp, mẹ ông chết không để lại di chúc; cha mẹ ông có tài sản chung là nhà và đất tại 224 Đường N3, Phường P, N1, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 921/99 ngày 25/9/1999 và quyền sử dụng đất tại V3, N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1795/QSDĐ/VL-NT ngày 17/10/2000.

Từ sau khi cha mẹ mất, anh em trong nhà đã không còn hòa thuận, ông D muốn có tiền để chữa bệnh nên đề nghị chia tài sản để có tiền chữa bệnh nhưng anh em có người không đồng ý dẫn đến bất hòa sâu sắc không giải quyết tình cảm được.

Vì vậy, ông D yêu cầu Tòa án chia toàn bộ tài sản cha, mẹ ông D theo di chúc của cha và theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 394, tờ bản đồ số 3 tại V3, N1 của ông Kiều Văn T2, ông D không đồng ý chia vì thửa đất này ông N2 đã cho ông D, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00210/22384 cho ông D, ông D chuyển cho ông D và vì cần tiền chữa bệnh ông đã bán cho bà L nhưng làm giấy cho để phù hợp với pháp luật.

**Ông Kiều Long V1 trình bày:*

Cha mẹ ông chết để lại khối tài sản gồm nhà và đất tại 224 Đường N3, Phường P, N1, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 921/99 ngày 25/9/1999 cho ông Kiều Văn N2, bà Vũ Thị H4; quyền sử dụng đất tại V3, N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1795/QSDĐ/VL-NT ngày 17/10/2000 cho ông Kiều Văn N2, bà Vũ Thị H4; thửa đất 394, tờ bản đồ số 3 tại xã V3, N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00210/22384 cho ông Nguyễn Văn Đ, chính lý sang ông Kiều Văn D, hiện nay đã chính lý sang bà Kiều Thị Bích L. Ông đồng ý với yêu cầu độc lập của ông T2 về việc yêu cầu chia bổ sung thửa đất 394, tờ bản đồ số 3 tại xã V3, N1 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ.

Đối với tài sản là nhà và đất tại 224 Đường N3, Phường P, N1, Khánh Hòa, ông đề nghị giữ nguyên làm nhà từ đường, không chia; các tài sản còn lại, ông yêu cầu chia theo quy định pháp luật cho các anh em trong gia đình. Ông yêu cầu giao nhà từ đường cho bà N và đất tại V3 ông xin nhận hiện vật.

**Ông Kiều Văn T2 trình bày:*

Ông T2 đồng ý với ý kiến ông V1. Ông yêu cầu chia thửa đất 394, tờ bản đồ số 3 tại xã V3, N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00210/22384 cho ông Nguyễn Văn Đ, chính lý sang ông Kiều Văn D, hiện nay đã chính lý sang bà Kiều Thị Bích L thì ông T2 mới đồng ý chia các tài sản như ông D yêu cầu vì tất cả đều là tài sản do cha ông là Kiều Văn N2 để lại, đồng thời ông T2 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ.

Đối với tài sản là nhà và đất tại 224 Đường N3, Phường P, N1, Khánh Hòa, ông đề nghị giữ nguyên làm nhà từ đường, không chia; các tài sản còn lại, ông yêu cầu chia theo quy định pháp luật cho các anh em trong gia đình. Ông yêu cầu được nhận hiện vật.

**Bà Kiều Thị Bích L trình bày:*

Bà đồng ý với ý kiến ông D. Cha mẹ bà chỉ để lại tài sản chung là nhà và đất tại 224 Đường N3, Phường P, N1, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 921/99 ngày 25/9/1999 và quyền sử dụng đất tại

V3, N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1795/QSĐĐ/VL-NT ngày 17/10/2000. Ngoài ra, không để lại tài sản nào khác. Thửa đất 394, tờ bản đồ số 3 tại xã V3, N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00210/22384 cho ông Nguyễn Văn Đ, chính lý sang ông Kiều Văn D, hiện nay đã chính lý sang bà Kiều Thị Bích L là thửa đất bà có quyền sử dụng đất hợp pháp, ông Đ đã làm thủ tục sang nhượng cho ông D, ông D chuyển tên qua cho bà L là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Bà không đồng ý chia thửa đất 394, tờ bản đồ số 3 tại xã V3, N1 và không đồng ý với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ của ông T2. Trong trường hợp chia đôi với hai khối tài sản do ông D yêu cầu thì bà yêu cầu được nhận hiện vật.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu được nhận tiền đối với phần tài sản tại 224 Đường N3, Phường P, N1, Khánh Hòa và nhận hiện vật đối với các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1, cụ thể bà yêu cầu nhận phần đất với chiều ngang là 5m.

**Tại biên bản ngày 10/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã V3, ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Trước đây, ông Kiều Văn N2 là người địa phương khác nhưng có một miếng đất thuộc thửa 394, tờ bản đồ số 3, thuộc thôn L1, xã V3. Thửa đất này có 02 phần, phần dưới phần vườn dừa có giấy tờ, phần trên gồm 10.668,8m², không có giấy tờ. Lúc đó ông Kiều Văn N2 là người ngoài địa phương nên không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông Kiều Văn N2 có nhờ ông Đ thường trú tại địa phương đứng tên phần đất tại thửa 394, tờ bản đồ số 3, với diện tích 10668,8m². Làm xong sổ đỏ năm 2011, sau đó, ông Đ sang sổ lại cho ông Kiều Văn D toàn bộ thửa đất trên và ông Đ không còn trách nhiệm với thửa đất đó nữa.

**Tại Công văn số 7505/UBND-TNMT ngày 26/10/2018, Ủy ban nhân dân thành phố N1 trình bày ý kiến như sau:*

Năm 2010, ông Nguyễn Văn Đ lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận tại thửa đất số 308 (một phần), tờ bản đồ số 03 (bản đồ lâm nghiệp) và được Ủy ban nhân dân xã V3 xác nhận tại Biên bản họp xét ngày 08/7/2010, tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 11/8/2010 và tại Công văn số 699/UBND ngày 06/12/2010 thì thửa đất số 308 (một phần), tờ bản đồ số 03 (bản đồ lâm nghiệp) có nguồn gốc do ông Kiều Văn N2 khai hoang đất nông nghiệp năm 1975 (không có giấy tờ chứng minh). Đến năm 2002, ông N2 tặng cho cháu là ông Nguyễn Văn Đ (giấy viết tay lập ngày 14/5/2002, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) và ông Đ sử dụng ổn định từ đó cho đến ngày được cấp sổ.

Ủy ban nhân dân xã V3 đã niêm yết công khai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông Nguyễn Văn Đ theo Danh sách công khai số 183/TB-UBND ngày 25/8/2010, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày 12/7/2010 đến ngày 27/7/2010 không bị khiếu nại, tranh chấp.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố N1 đã cấp Giấy chứng nhận số CH00210/22384 ngày 24/01/2011 cho ông Nguyễn Văn Đ, có sổ thửa mới 394, tờ bản đồ số 3 (bộ bản đồ lâm nghiệp), xã V3.

Năm 2011, ông Nguyễn Văn Đ chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho ông Kiều Văn D theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 210, quyền số CN TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/01/2011 do Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực. Ngày 10/3/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý thay tên chủ sử dụng cho ông Kiều Văn D (sau khi các bên đã thực hiện nghĩa vụ tài chính)

Năm 2017, ông Kiều Văn D tặng cho toàn bộ thửa đất trên cho bà Kiều Thị Bích L theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2715, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/5/2017 do Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực. Ngày 22/6/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại N1 chỉnh lý thay tên chủ sử dụng cho bà Kiều Thị Bích L (sau khi các bên đã thực hiện nghĩa vụ tài chính).

Như vậy, căn cứ kết quả xác minh nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã V3 và các hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho (được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực) các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn Đ và hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên là đúng theo quy định của pháp luật.

**Bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2 ủy quyền cho ông Võ Ngọc Quốc H1 trình bày:*

Bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2 đề nghị chia đều toàn bộ tài sản của ông N2, bà H4 để lại là nhà, đất tại 224 Đường N3, N1; các thửa đất 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1 cho các anh em trong gia đình. Còn đối với việc nhận hiện vật hay nhận giá trị thì ông, bà đề nghị trình bày ý kiến sau. Đối với thửa đất 394, tờ bản đồ số 3 tại xã V3, N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00210/22384 cho ông Nguyễn Văn Đ, chỉnh lý sang ông Kiều Văn D, hiện nay đã chỉnh lý sang bà Kiều Thị Bích L thì các ông, bà có biết là của cha là Kiều Văn N2 nhưng thời điểm sau này, ông, bà đi qua Mỹ sinh sống, không biết cụ thể ý nguyện của ông N2 là để lại cho ai nên ông, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu của nguyên đơn, bị đơn nộp để giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền mà ông Hoàng Đức L1 và ông Võ Ngọc Quốc H3 đã đóng góp theo Giấy xác nhận ngày 26/12/2000 thì ông L, ông H3 đã tặng cho ông Kiều Văn N2 nên không có yêu cầu nhận lại số tiền trên.

**Ông Kiều Long H2 ủy quyền cho ông Kiều Văn T2:*

Ông H2 ủy quyền cho ông T2 được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến pháp luật và di sản của cha ông là ông Kiều Văn N2 để lại có để lại chúc

thư, ông T2 được quyền nhận lại phần của ông H2, được phần chia trong di chúc và phần tài sản ngoài di chúc.

**Bà Kiều Thị Cẩm T1 ủy quyền cho ông Kiều Văn T2:*

Bà T1 ủy quyền cho ông T2 được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến tài sản của cha bà là ông Kiều Văn N2 chết đi để lại gồm có 01 căn nhà, đất và những vấn đề liên quan đến pháp luật.

**Ông Hoàng Đức L1 trình bày:*

Ông L có đóng góp một khoản tiền theo Giấy xác nhận ngày 26/12/2000 và ông L đề nghị cho số tiền đó cho ông Võ Ngọc Quốc H1.

**Ông Võ Ngọc Quốc H3 trình bày:*

Ông H3 có đóng góp một khoản tiền tiền theo Giấy xác nhận ngày 26/12/2000 và ông H3 đề nghị cho số tiền đó cho ông Võ Ngọc Quốc H1.

**Tại văn bản số 15126/CNNT ngày 10/7/2019, Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa – Chi nhánh N1 trả lời:*

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N1 đồng ý đối với ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố N1 tại văn bản số 7505/UBND-TNMT ngày 26/10/2018 “V/v cho ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ đối với thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3, tại tổ 1 L1, xã V3, N1 trong vụ án dân sự theo đơn khởi kiện của ông Kiều Văn D”. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N1 không có văn bản ý kiến nào khác. Đối với yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Chi nhánh N1 đã cung cấp hồ sơ theo quy định. Hiện nay do Giám đốc và Phó Giám đốc bận công tác nên không tham gia vụ án được, đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Văn D về việc tranh chấp di sản thừa kế với ông Kiều Long V1; không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Kiều Văn T2 về việc tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Xác định căn nhà số 224 Đường N3, Phường P, N1 và các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1 là di sản của ông Kiều Văn N2 và bà Vũ Thị H4.

3. Xác định các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Văn D, ông Kiều Long H2, ông Kiều Văn T2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L, ông Kiều Long V1 là những người thừa kế di sản của ông Kiều Văn N2 và bà Vũ Thị H4.

4. Giao căn nhà số 224 Đường N3, Phường P, N1 cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa phát mãi. Sau khi thanh toán cho các ông, bà Kiều Thị N số tiền là 84.000.000đ; Kiều Túy V2 số tiền là 35.000.000đ; Kiều Thị Cẩm T1 số tiền là 77.000.000đ; Kiều Thị Bích L số tiền là 15.000.000đ; Kiều Văn D số tiền là 10.000.000đ; anh Hoàng Đức L1 số tiền là 14.000.000đ; anh Võ Ngọc Quốc H3 số tiền là 28.000.000đ và trừ đi các chi phí phát mãi thì số tiền còn lại chia đều cho 8 người con gồm các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Văn D, ông Kiều Long H2, ông Kiều Văn T2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L, ông Kiều Long V1.

5. Giao quyền sử dụng các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1 cho ông Kiều Văn T2. Ông Kiều Văn T2 có nghĩa vụ thanh toán cho các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Long V1, ông Kiều Long H2, ông Kiều Văn D, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L mỗi người số tiền là 470.405.000đ.

6. Các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Văn D, ông Kiều Long H2, ông Kiều Văn T2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L, ông Kiều Long V1 được quyền nhận tiền từ Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa khi phát mãi nhà 224 Đường N3, Phường P, N1 và các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Văn D, ông Kiều Long H2, ông Kiều Long V1, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L được quyền nhận tiền từ ông Kiều Văn T2 thanh toán. Sau khi thanh toán xong số tiền cho các đồng thừa kế ông Kiều Văn T2 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý quyền sử dụng đất các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1795/QSĐĐ/VL-NT ngày 17/10/2000 do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp cho ông Kiều Văn N2, bà Vũ Thị H4 sang tên ông Kiều Văn T2. (có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

7. Đối với số tiền của các ông, bà Kiều Thị N, Kiều Túy V2, Kiều Thị Cẩm T1, Kiều Long H2 giao cho ông Kiều Long V1 quản lý cho đến khi các ông, bà có yêu cầu thì ông Kiều Long V1 có nghĩa vụ giao số tiền này cho các ông, bà Kiều Thị N, Kiều Túy V2, Kiều Thị Cẩm T1, Kiều Long H2.

8. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Kiều Văn T2 về việc tranh chấp di sản thừa kế là thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 xã V3, N1 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00210/22384 ngày 24/01/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp cho ông Nguyễn Văn Đ đối với thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 xã V3, N1.”

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

• Ngày 05 tháng 12 năm 2019, ông Kiều Long V1, ông Kiều Văn T2 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, với nội dung:

- Thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 xã V3, N1, diện tích 10.668m² là đất rừng sản

xuất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00210/22384 ngày 24/01/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp cho ông Nguyễn Văn Đ, sau đó chuyển nhượng cho ông D vào ngày 10/3/2011 và tiếp tục sang tên cho bà L là tài sản thừa kế của cha mẹ để lại.

- Không đồng ý với phán quyết liên quan đến nhà đất tại 224 Đường N3, Phường P, N1 theo di chúc lập ngày 09/7/1998 của cha là ông Kiều Văn N2, nguyện vọng của người để lại tài sản dùng vào việc thờ cúng, Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế là không đúng.

• Ngày 06 tháng 12 năm 2019, ông Kiều Văn D, bà Kiều Thị Bích L kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Bà L, ông D yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và được thối lại tiền cho các thừa kế không nhận hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư Nguyễn Thị H trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật: “ Tranh chấp di sản thừa kế” là không phù hợp, cần xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Yêu cầu chia di sản thừa kế”.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia vụ án của ông Kiều Long V1 chưa đúng. Ông Kiều Văn D khởi kiện ông Kiều Long V1 “không đồng ý chia tài sản của bố mẹ” là không có căn cứ. Bởi trong hồ sơ không có biên bản họp gia đình về việc yêu cầu chia tài sản và ý kiến của các thành viên trong gia đình. Đặc biệt hơn, di chúc mà ông Kiều Văn N2 để lại di sản cho các con là di chúc có điều kiện, trong đó thể hiện rõ mục đích sử dụng của di sản là làm nhà từ đường, người được trao quyền thừa kế là trưởng nữ Kiều Thị N, quyền lợi người thừa kế theo di chúc và điều kiện có thể bán di sản thừa kế. Chính vì lẽ đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Yêu cầu chia di sản thừa kế” nên ông Kiều Long V1 cũng như các đồng thừa kế còn lại đều có tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Theo Điều 630, 631, 635, 643, và 645 của Bộ luật Dân sự năm 2015, di chúc do ông Kiều Văn N2 lập ngày 09/7/1998 là di chúc hợp pháp. Theo đó, các giấy xác nhận (gồm giấy viết tay và đánh máy) chỉ có ý nghĩa ghi nhận lại việc đóng góp tiền và vật dụng của các con trong việc xây dựng nhà từ đường, chứ không được coi là một phần của di chúc hay văn bản bổ sung nội dung di chúc.

Như vậy, yêu cầu chia tài sản thừa kế là di sản dùng vào việc thờ cúng của ông Kiều Văn D là không có căn cứ.

Đối với tài sản là thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3, có diện tích 10,668,8m² là đất rừng sản xuất, hiện tồn tại rất nhiều các nội dung chưa được xác minh làm rõ, trong đó có các căn cứ chuyển dịch quyền sử dụng hợp pháp tài sản là bất động sản từ Ông Kiều Văn N2 sang cho Ông Nguyễn Văn Đ, sau đó là Ông Kiều Văn D và Bà Kiều Thị Bích L.

Giấy cho nhận quyền sử dụng đất lập ngày 14/5/2002, ông Kiều Văn N2 tặng cho ông Nguyễn Văn Đ không có xác nhận hoặc người làm chứng. Đến ngày 12/2/2009, ông Kiều Văn N2 lại tiếp tục lập giấy xác nhận tặng cho chính thửa đất nói trên cho con trai là Kiều Văn D, có xác nhận chữ ký tại phường Ngọc Hiệp, trong khi ông Kiều Văn N2 cư trú tại phường Phường P, tài sản tặng cho lại nằm ở xã V3.

Nếu đã tặng cho ông Nguyễn Văn Đ năm 2002, thì tại sao ông N2 lại tiếp tục tặng cho ông Kiều Văn D năm 2009. Nếu năm 2009, ông Kiều Văn D đã được bố là Kiều Văn N2 tặng cho mảnh đất đó thì lý do gì năm 2011 ông Kiều Văn D lại phải làm thủ tục nhận chuyển nhượng lại tài sản này từ ông Nguyễn Văn Đ?

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên vô hiệu các giao dịch trên để hoàn trả tài sản vào danh mục tài sản yêu cầu chia thừa kế.

Luật sư Phạm Phổ Th trình bày:

Nhà và đất tại 224 Đường N3, N1 là tài sản chung của ông N2, bà H4, ông N2 không có quyền lập di chúc định đoạt phần di sản của bà H4 nên di chúc chỉ có hiệu lực đối với phần tài sản của ông N2.

Ông D và bà L là các người thừa kế có điều kiện nhận hiện vật và có khả năng bồi trả cho người khác, đề nghị áp dụng Điều 660 Bộ luật Dân sự chia hiện vật đối với các thửa đất số 153,156,157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, giao cho bà L và ông D đồng sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất trên.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D và bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Đối với nhà và đất tại 224 Đường N3, N1, năm 1999, ông N2 lập giấy xác nhận sự đóng góp của con, cháu đồng thời xác định điều kiện để định đoạt căn nhà này khi anh, em xảy ra bất hòa thì được bán nhà. Giấy xác nhận đã thay đổi nội dung di chúc, nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế, bị đơn và ông Tuấn không đồng ý, như vậy giữa anh em có mâu thuẫn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận chia thừa kế đối với nhà đất trên là đúng pháp luật.

Đối với các thửa đất số 153,156,157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, Tòa án cấp sơ thẩm không chia hiện vật là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 660 Bộ luật Dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông D, bà L, chia hiện vật đối với các thửa đất trên.

Đối với thửa đất số 394, năm 2002 ông N2 viết giấy tặng cho ông Đ. Tại giấy xác nhận ngày 12/2/2009, ông N2 xác nhận cho ông D thửa đất này. Như vậy, ông N2 đã từ bỏ quyền sử dụng và ông Đ cũng không có tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn chia thừa kế đối với thửa đất trên là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Vũ Thị H4 chết năm 1974 và ông Kiều Văn N2 chết năm 2010; các đồng thừa kế thống nhất di sản của bà H4 và ông N2 để lại là căn nhà số 224 Đường N3, Phường P, N1 và các thửa đất số 153, 156, 157 tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1. Ngoài ra, ông T2, ông V1 cho rằng thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 xã V3, N1 do bà Kiều Thị Bích L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là di sản của ông N2, bà H4 và ông Tuấn đề nghị chia thừa kế. Bà L xác định đây là tài sản riêng của bà.

[2] Bà H4 chết không để lại di chúc. Sau khi bà H4 chết, ngày 09/7/1998 ông N2 lập di chúc định đoạt căn nhà 224 Đường N3, N1 làm nhà từ đường, giao cho bà Kiều Thị N quản lý. Di chúc cho phép bà Ngọc có thể bán nhà từ đường nhưng phải

có đầy đủ chữ ký đồng thuận của tám người con. Đến năm 1999, ông N2 lập tiếp một giấy xác nhận sự đóng góp của con, cháu trong việc sửa chữa nhà 224 Đường N3, N1 đồng thời xác định điều kiện để định đoạt căn nhà này khi anh, em xảy ra bất hòa thì được bán nhà và sau khi thanh toán số tiền đã đóng góp theo danh sách số tiền ông N2 ghi trên giấy xác nhận, còn lại các anh, em được hưởng thừa kế đều như nhau. Giấy xác nhận này có thể xem là văn bản bổ sung di chúc, phần bổ sung di chúc và di chúc có hiệu lực như nhau theo Điều 640 Bộ luật Dân sự.

[3] Như vậy, mặc dù di chúc định đoạt căn nhà 224 Đường N3, N1 làm nhà từ đường nhưng ông N2 vẫn cho phép bán căn nhà trong hai trường hợp, thứ nhất: tám người con đều đồng thuận bán nhà, thứ hai: xảy ra bất hòa giữa những người con.

[4] Ông D bị bệnh có yêu cầu được chia tài sản để chữa bệnh nhưng ông V1 và ông T2 không đồng ý đề nghị giữ lại làm nhà từ đường. Như vậy, giữa anh em có bất đồng và việc bất hòa này phù hợp với điều kiện của ông N2 ghi tại giấy xác nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế di sản là căn nhà 224 Đường N3, N1 theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất số 153, 156, 157 tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1 là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông V1, ông Tuấn về việc đề nghị không chia thừa kế đối với căn nhà 224 Đường N3, N1.

[5] Đối với thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 xã V3, N1: Tại biên bản do Ủy ban nhân dân xã V3 lập ngày 10/8/2017, ông Đ trình bày toàn bộ thửa đất này có nguồn gốc của ông N2 khai hoang, do không có giấy tờ và ông N2 không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nhờ ông Đ đứng tên và ông Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 394, tờ bản đồ số 3 xã V3, N1 vào năm 2011; sau đó ông Kiều Văn N2, ông Kiều Văn D và bà Kiều Thị Bích L nhờ ông sang sổ lại cho ông Kiều Văn D. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2019 ông Đ khai: Nguồn gốc thửa đất 394 là của ông N2, do ông N2 là người ngoài địa phương nên không làm được giấy tờ và ông N2 cho ông Đ vào năm 2002, sau khi làm giấy tờ vì tình cảm trước kia ông N2 cho ông Đ đất nên ông Đ bán lại cho ông D. Tại giấy xác nhận lập ngày 12/02/2009 có nội dung ông Kiều Văn N2 xác nhận tặng cho ông Kiều Văn D là con út toàn quyền sử dụng thửa đất trên, giấy xác nhận được Ủy ban nhân dân phường N4 chứng thực ngày 12/02/2009.

[6] Như vậy, mặc dù không giám định được chữ ký tại giấy tặng cho đất lập năm 2002 nhưng với các chứng cứ trên có thể xác định thửa đất có nguồn gốc của ông N2, khi còn sống ông N2 đã tặng cho ông D thửa đất này. Việc ông Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông D chỉ nhằm mục đích hợp thức việc ông N2 tặng cho ông D thửa đất trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chia thừa kế tài sản là thửa đất số 394 là có căn cứ, kháng cáo của ông V1 và ông T2 về yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với thửa đất số 394 là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về kháng cáo của ông D, bà L yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật đối với các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các thừa kế có đủ điều kiện để nhận hiện vật, nhưng thửa đất có chiều dài không đủ chiều ngang để chia, việc chia nhỏ thửa đất khó sử dụng nên giao lại cho 01 người là ông Tuấn sử dụng các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự, người thừa kế có quyền yêu cầu nhận hiện vật, xét các thửa đất số 153, 156, 157 có thể chia hiện vật, với chiều ngang khoảng 10m, nên chấp nhận kháng cáo của ông D, bà L về nội dung

này, chia đôi thửa đất nói trên, một nửa giao ông Tuấn sử dụng, một nửa giao ông D, bà L đồng sử dụng.

[8] Ông D, bà L có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, mỗi người 470.405.000đ. Ông T2 có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho ông Kiều Long V1, ông Kiều Long H2, bà Kiều Thị Cẩm T1, mỗi người 470.405.000đ.

[9] Về quan điểm của Luật sư, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp di sản thừa kế” theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng qui định pháp luật. Luật sư cho rằng cần xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Yêu cầu chia di sản thừa kế” là không đúng, vì giữa các đồng thừa kế có tranh chấp về di sản thừa kế. Về xác định bị đơn, theo qui định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là người bị nguyên đơn khởi kiện, ông V1 không đồng ý bán nhà từ đường nên ông D khởi kiện ông V1, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông V1 là bị đơn là đúng pháp luật. Luật sư cho rằng quan hệ pháp luật được xác định là “Yêu cầu chia di sản thừa kế” nên ông V1 và các đồng thừa kế còn lại đều có tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, đây là vụ án dân sự không phải là việc dân sự. Đối với căn nhà 224 Đường N3, N1 và thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 xã V3, N1, với phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của Luật sư.

[10] Từ các phân tích trên, cần chấp nhận kháng cáo của ông D, bà L, không chấp nhận kháng cáo của ông V1, ông Tuấn. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên không xét, giữ nguyên.

[11] Ông Kiều Long V1, ông Kiều Văn T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Kiều Văn D, bà Kiều Thị Bích L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Kiều Long V1, ông Kiều Văn T2;

Chấp nhận kháng cáo của ông Kiều Văn D, bà Kiều Thị Bích L;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ điểm k khoản 4 Điều 95 và khoản 3 Điều 98 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Văn D về việc tranh chấp di sản thừa kế với ông Kiều Long V1; không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Kiều Văn T2 về việc tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Xác định căn nhà số 224 Đường N3, Phường P, N1 và các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1 là di sản của ông Kiều Văn N2 và bà Vũ Thị H4.

3. Xác định các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Văn D, ông Kiều Long H2, ông Kiều Văn T2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L, ông Kiều Long V1 là những người thừa kế di sản của ông Kiều Văn N2 và bà Vũ Thị H4.

4. Giao căn nhà số 224 Đường N3, Phường P, N1 cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa phát mãi. Sau khi thanh toán cho các ông, bà Kiều Thị N số tiền là 84.000.000đ; Kiều Túy V2 số tiền là 35.000.000đ; Kiều Thị Cẩm T1 số tiền là 77.000.000đ; Kiều Thị Bích L số tiền là 15.000.000đ; Kiều Văn D số tiền là 10.000.000đ; anh Hoàng Đức L1 số tiền là 14.000.000đ; anh Võ Ngọc Quốc H3 số tiền là 28.000.000đ và trừ đi các chi phí phát mãi thì số tiền còn lại chia đều cho 8 người con gồm các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Văn D, ông Kiều Long H2, ông Kiều Văn T2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L, ông Kiều Long V1.

5. Giao quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1, tương ứng diện tích 1.484m² cho ông Kiều Văn T2.

Ông Kiều Văn T2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Kiều Long V1, ông Kiều Long H2, bà Kiều Thị Cẩm T1, mỗi người số tiền 470.405.000đ.

Giao quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1, tương ứng diện tích 1.484m² cho ông Kiều Văn D và bà Kiều Thị Bích L đồng sử dụng.

Ông Kiều Văn D và bà Kiều Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, mỗi người số tiền 470.405.000đ.

Sau khi thanh toán xong số tiền cho các đồng thừa kế ông Kiều Văn T2, ông Kiều Văn D và bà Kiều Thị Bích L được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý quyền sử dụng đất các thửa đất số 153, 156, 157, tờ bản đồ số 14 tại xã V3, N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1795/QSDD/VL-NT ngày 17/10/2000 do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp cho ông Kiều Văn N2, bà Vũ Thị H4.

(có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo)

6. Các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Văn D, ông Kiều Long H2, ông Kiều Văn T2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L, ông Kiều Long V1 được quyền nhận tiền từ Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa khi phát mãi nhà 224 Đường N3, Phường P, N1.

7. Đối với số tiền của các ông, bà Kiều Thị N, Kiều Túy V2, Kiều Thị Cẩm T1, Kiều Long H2 giao cho ông Kiều Long V1 quản lý cho đến khi các ông, bà có

yêu cầu thì ông Kiều Long V1 có nghĩa vụ giao số tiền này cho các ông, bà Kiều Thị N, Kiều Túy V2, Kiều Thị Cẩm T1, Kiều Long H2.

8. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Kiều Văn T2 về việc tranh chấp di sản thừa kế là thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 xã V3, N1 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00210/22384 ngày 24/01/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp cho ông Nguyễn Văn Đ đối với thửa đất số 394, tờ bản đồ số 3 xã V3, N1.

9. Án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Văn D, ông Kiều Long H2, ông Kiều Văn T2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích Liên, ông Kiều Long V1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.331.000đ

Ông Kiều Văn D đã nộp số tiền là 56.750.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/00003 34 ngày 05/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Vậy ông D còn nộp thêm số tiền án phí là 13.581.000đ.

Ông T2 đã nộp số tiền là 7.500.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000965 ngày 16/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Vậy ông T2 còn nộp thêm số tiền án phí là 62.831.000đ

- Chi phí tố tụng khác: Các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Văn D, ông Kiều Long H2, ông Kiều Văn T2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L, ông Kiều Long V1, mỗi người phải chịu 6.976.000đ.

Hoàn lại cho ông D số tiền là 13.024.000đ, ông D liên hệ phòng thủ quỹ Tòa án để nhận lại số tiền 4.192.000đ. Các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Long H2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích L, ông Kiều Long V1, mỗi người phải thanh toán lại cho ông D số tiền là 1.472.000đ.

Hoàn lại cho ông T2 số tiền là 33.024.000đ. Các ông, bà Kiều Thị N, ông Kiều Túy V2, ông Kiều Long H2, bà Kiều Thị Cẩm T1, bà Kiều Thị Bích Liên, ông Kiều Long V1 mỗi người phải thanh toán lại cho ông Tuấn số tiền là 5.504.000đ.

10. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Kiều Long V1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001131 ngày 10/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Ông Kiều Văn T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001132 ngày 10/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ cho ông Kiều Văn D, đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001124 ngày 07/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (bà Kiều Thị Bích L nộp thay).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ cho bà Kiều Thị Bích L, đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001123 ngày 07/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự